

Thứ tư, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Vietnam Daily Review

Nhịp hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/3/2024		•	
Tuần 18/03 - 22/03/2024		•	
Tháng 3/2024		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường trải qua một phiên giao dịch tích cực hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,260.08 điểm, tăng gần 18 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bán lẻ dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính, Ngân hàng,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Thị trường có phiên hồi phục sau khi chạm ngưỡng hỗ trợ 1235 điểm với thanh khoản yếu. VN-Index sau đợt điều chỉnh cần thêm sự xác nhận của thanh khoản trong phiên tới, phiên giao dịch sẽ bị ảnh hưởng bởi HĐTL đảo hạn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL vận động cùng chiều với đà tăng của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/3/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+1.42** điểm, đóng cửa **1260.08** điểm. HNX-Index **+0.79** điểm, đóng cửa **238.03** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.98)**, **TCB (+1.79)**, **CTG (+1.4)**, **MBB (+1.26)**, **VPB (+0.98)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.46)**, **VHM (-0.42)**, **VRE (-0.22)**, **SJS (-0.08)**, **DHG (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,206** tỷ đồng, tăng **10.98%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,992 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 26.06 điểm. Thị trường có **339** mã tăng, 70 mã tham chiếu, **139** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-566.29** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FUEVFNVD(-283.96 tỷ)**, **VIC(-174.38 tỷ)**, **VNM(-83.41 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **2.08** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+1.82%**. Các mã diễn biến tích cực: **MWG (+5.49%)**, **TCB (+4.96%)**, **MBB (+4.09%)**
- BSC50 **+1.07%**. Các mã diễn biến tích cực: **VIB (+6.79%)**, **VCI (+4.93%)**, **GEX (+3.33%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Bán lẻ	3.84%	Bảo hiểm	0.65%
Dịch vụ tài chính	2.52%	Tài nguyên Cơ bản	0.54%
Ngân hàng	2.40%	Ô tô và phụ tùng	0.43%
Công nghệ Thông tin	2.04%	Thực phẩm và đồ	0.30%
Xây dựng và Vật liệu	1.64%	Dù lịch và Giải trí	0.24%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.22%	Bất động sản	-0.18%
Hóa chất	1.15%	Y tế	-0.58%
Điện, nước & xăng dầu khí	1.01%		
Hàng & Dịch vụ Công	0.82%	VN30	1.97%
Truyền thông	0.75%	VNMID	1.69%
Dầu khí	0.68%	VNSML	0.61%

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang
trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1260.08**
Giá trị: 21206.49 tỷ **1.42 (17.62%)**
Khối ngoại (ròng): -566.29 tỷ

HNX-INDEX **238.03**
Giá trị: 1536.13 tỷ **0.79 (1.86%)**
Khối ngoại (ròng): 2.08 tỷ

UPCOM-INDEX **90.54**
Giá trị: 9259.1 tỷ **-0.07 (-0.06%)**
Khối ngoại (ròng): -3.69 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	83.1	0.40%
Giá vàng	2,157	-0.10%
Tỷ giá USD/VND	24,720	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,933	0.10%
Tỷ giá JPY/VND	165.81	-0.10%
LS liên NH 1 tháng	1.60%	
LS TPCP 5 năm	1.60%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	102.20	FUEVFNVD	-283.96
STB	100.23	VIC	-174.38
MWG	58.92	VNM	-83.41
HAG	42.16	MSN	-81.61
GEX	40.79	BID	-50.84

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Danh mục BSC30	Trang 2
Danh mục BSC50	Trang 3
Báo cáo mới nhất	Trang 4
Khuyến cáo sử dụng	Trang 5

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 20/03/2024

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	83.06	0.40%	7.10%	7.80%	22.20%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	87.22	0.40%	6.50%	7.00%	18.60%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.75	-0.30%	6.30%	9.50%	10.10%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	1.75	2.70%	2.00%	6.20%	-25.00%		
TTF Gas	EUR/MWh	28.87	0.20%	16.50%	19.40%	-26.60%		
Vàng	Ounce	2,157.44	-0.10%	0.00%	6.60%	9.00%		PNJ
Bạc	Ounce	24.91	-0.50%	3.10%	8.50%	10.60%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,185.50	-0.20%	-0.90%	0.20%	-20.20%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.46	0.10%	0.10%	1.70%	-8.80%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	170.90	-1.40%	5.60%	10.10%	31.40%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	21.64	-2.40%	-1.10%	-4.90%	5.70%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, QNS
Ure	USD/T	375.00	-0.10%	1.40%	-7.20%	-2.60%		DPM, DCM
Niken	LB	17,688.00	-1.10%	-2.60%	9.80%	-21.60%		PC1
Đồng	LB	4.05	-1.60%	3.20%	4.70%	2.30%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,040.00	0.00%	0.00%	-12.10%	-26.40%		CSV
Thép	CNY/ton	3,545.00	2.00%	-0.30%	-5.90%	-16.30%		HPG
Nhôm	Ton	2,271.00	-0.30%	0.30%	3.50%	-0.20%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô West Texas Intermediate kỳ hạn của Mỹ tăng 75 cent, tương đương 0.9%, chốt ở 83.47 USD/thùng, cao nhất kể từ ngày 27/10/2023. Dầu thô Brent chuẩn toàn cầu tăng 0.6% lên 87.38 USD/thùng, cao nhất kể từ ngày 31/10/2024.

• Giá dầu đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều tháng trong phiên thứ hai liên tiếp khi các thương nhân đánh giá các cuộc tấn công gần đây của Ukraine vào các nhà máy lọc dầu của Nga sẽ ảnh hưởng đến nguồn cung dầu mỏ toàn cầu như thế nào.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.2% xuống 2,155.93 USD/ounce vào lúc 18:17 GMT, dao động gần mức thấp nhất trong một tuần đạt được vào thứ Hai.

• Giá vàng giảm khi đồng đô la mạnh lên một ngày trước khi Cục Dự trữ Liên bang báo hiệu lập trường lãi suất vào cuối cuộc họp chính sách kéo dài hai ngày của ngân hàng trung ương Mỹ.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt giao tháng 5/2024 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) của Trung Quốc kết thúc tăng 5.35% ở mức 827 nhân dân tệ (114.87 USD)/tấn, cao nhất kể từ ngày 13/3/2024. Quặng sắt kỳ hạn tháng 4/2024 trên Sàn giao dịch Singapore tăng 2.91% lên 106.9 USD/tấn, mức cao nhất kể từ ngày 13/3/2024.

• Giá quặng sắt kỳ hạn mở rộng đã tăng sang phiên thứ hai liên tiếp, lên mức cao nhất trong gần một tuần, do hoạt động dự trữ ở Trung Quốc.

Giá hàng hóa khác

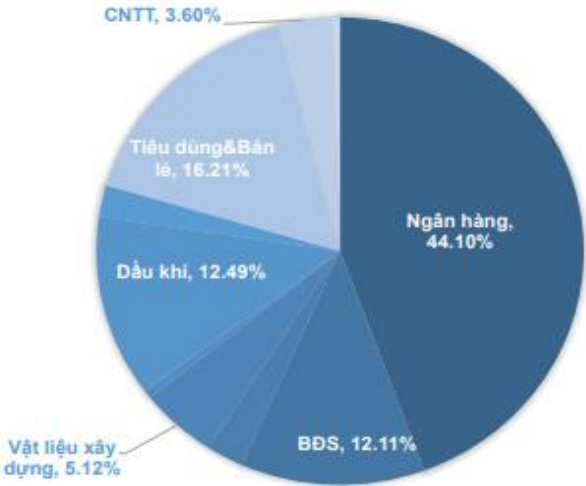
- Giá lúa mì và ngô kỳ hạn tại sở giao dịch Chicago (CBOT) tăng mạnh nhờ các động thái kỹ thuật khi các nhà giao dịch tìm cách nới lỏng các vị thế bán trước thời tiết mùa xuân không chắc chắn và các báo cáo sắp tới của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, các nhà phân tích cho biết.

• Đường thô kỳ hạn tháng 5/2024 giảm 2.7% xuống 21.57 cent/lb do sự cải thiện của vụ thu hoạch ở Ấn Độ và Thái Lan. Đường trắng kỳ hạn tháng 5/2024 giảm 1.6% xuống 617.80 USD/tấn.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	93.20	0.8%	0.7	21,076	3.4	5,910	15.8	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	53.0	2.7%	1.0	12,224	6.7	3,781	14.0	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.6	2.8%	1.0	5,987	8.7	1,267	14.7	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	42.3	5.0%	1.1	6,029	28.9	5,111	8.3	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	24.2	4.1%	1.0	5,166	38.5	3,966	6.1	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	31.2	2.5%	1.0	2,376	35.5	4,094	7.6	31,200	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	34.4	3.2%	1.0	7,464	13.2	3,723	9.2	19,100	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	27.5	2.4%	0.8	4,322	15.6	4,131	6.7	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	37.2	2.9%	1.3	2,256	24.6	1,529	24.3	45,900	43.2%	Link
IDC	BĐS KCN	58.5	1.7%	1.1	781	3.8	4,221	13.9	-	17.6%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	30.0	0.7%	1.3	7,058	15.7	1,176	25.5	23,300	24.5%	Link
HSG	Vật liệu xây dựng	22.4	0.7%	1.6	557	5.8	1,321	16.9	79,900	22.1%	Link
VHM	BĐS	42.5	-0.9%	1.3	7,488	9.3	7,664	5.5	38,900	22.4%	Link
KDH	BĐS	36.6	-0.1%	1.4	1,182	5.1	897	40.8	44,100	38.0%	Link
NLG	BĐS	42.8	1.9%	1.3	666	5.6	1,257	34.0	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	122.8	3.2%	1.6	1,887	14.5	8,163	15.0	85,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	34.4	1.0%	1.4	736	4.2	2,095	16.4	41,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	81.0	1.6%	0.7	7,527	4.8	5,053	16.0	36,000	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	37.6	1.1%	0.9	727	6.4	1,812	20.7	110,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	32.2	2.5%	1.3	725	6.2	1,035	31.2	45,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.4	1.3%	0.8	1,080	2.5	459	24.8	38,500	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	76.7	-0.6%	1.0	697	1.5	4,793	16.0	29,000	32.2%	Link
GMD	Logistics	78.0	1.3%	1.1	965	6.5	7,262	10.7	14,500	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	68.0	0.3%	0.7	5,750	9.8	4,246	16.0	81,700	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	77.3	-0.1%	1.5	4,475	13.3	293	264.2	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	48.0	5.5%	1.6	2,840	40.1	115	418.7	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	98.2	1.8%	0.7	1,329	8.3	6,011	16.3	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	65.8	2.5%	1.6	445	7.5	2,121	31.0	90,900	23.4%	Link
FPT	Công nghệ	114.5	2.2%	0.8	5,884	16.1	5,091	22.5	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	119.1	0.9%	1.0	551	2.9	4,515	26.4	108,000	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	22.6	1.1%	0.8	2,645	5.7	3,482	6.5	1.5	19.6%	23.2%
VIB	Ngân hàng	23.6	6.8%	1.2	2,422	25.9	3,376	7.0	1.6	20.5%	28.8%
TPB	Ngân hàng	18.6	2.2%	1.1	1,657	12.0	2,027	9.2	1.3	29.8%	19.8%
MSB	Ngân hàng	14.8	3.1%	1.3	1,198	6.4	2,322	6.4	0.9	30.0%	17.8%
EIB	Ngân hàng	18.5	-0.5%	0.9	1,303	6.7	1,244	14.9	1.4	1.8%	12.6%
HCM	Chứng khoán	28.0	2.0%	1.3	853	6.9	1,475	18.9	1.5	41.0%	7.3%
VCI	Chứng khoán	53.2	4.9%	1.7	942	21.2	1,124	47.3	3.2	21.7%	4.7%
VND	Chứng khoán	23.4	1.5%	1.5	1,153	20.9	1,662	14.1	1.7	22.6%	3.8%
BSI	Chứng khoán	58.8	2.3%	1.5	482	1.0	2,014	29.2	2.6	40.4%	8.2%
SHS	Chứng khoán	19.2	2.1%	1.6	632	19.7	688	27.9	1.5	13.2%	4.3%
LCG	Xây dựng	13.4	0.4%	1.5	103	2.7	635	21.1	1.0	2.1%	3.8%
HUT	Xây dựng	18.9	0.5%	1.7	682	2.0	45	420.5	1.9	1.6%	1.3%
CTD	Xây dựng	71.9	2.3%	0.9	291	4.8	1,894	38.0	0.9	44.3%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.2	0.7%	1.3	252	3.7	777	19.5	0.8	6.7%	4.2%
C4G	Xây dựng	11.5	1.8%	1.5	0	1.4	431	26.7	1.1	0.0%	5.2%
DIG	BĐS KCN	30.4	1.7%	1.8	750	36.3	283	107.4	2.4	5.2%	1.1%
CEO	BĐS KCN	22.6	-0.4%	1.0	471	11.1	297	76.0	2.0	5.6%	8.3%
KBC	BĐS KCN	32.9	1.5%	1.5	1,022	9.5	2,606	12.6	1.4	20.8%	18.9%
VGC	BĐS KCN	58.4	2.5%	1.3	1,059	2.7	2,717	21.5	3.4	5.4%	13.6%
SZC	BĐS KCN	43.2	1.6%	1.4	314	1.9	1,824	23.7	3.0	3.2%	10.9%
SIP	BĐS KCN	90.8	-0.7%	1.6	668	0.6	5,260	17.3	4.6	0.3%	26.5%
PHR	BĐS KCN	64.0	-0.8%	1.1	351	1.6	4,574	14.0	2.4	15.8%	26.9%
GVR	BĐS KCN	32.8	0.8%	1.6	5,308	5.3	646	50.7	2.6	0.3%	7.0%
NKG	Vật liệu	25.2	-0.2%	1.5	268	7.9	464	54.2	1.3	16.0%	13.5%
BMP	Hóa chất	110.6	0.5%	0.6	366	0.7	12,704	8.7	3.4	85.9%	38.4%
IJC	Bất động sản	15.6	1.3%	1.7	238	3.2	1,569	9.9	1.0	5.9%	10.9%
DXG	Bất động sản	18.8	1.4%	1.8	547	9.4	239	78.6	1.5	20.0%	3.4%
VRE	Bất động sản	26.4	-1.5%	1.1	2,423	12.4	1,940	13.6	1.6	31.0%	10.7%
PDR	Bất động sản	28.8	0.2%	1.8	859	10.8	926	31.1	2.4	7.4%	9.0%
CSV	Hóa chất	57.1	0.2%	1.4	102	1.2	4,732	12.1	1.8	3.7%	21.0%
DHC	Hóa chất	43.6	-0.8%	1.0	142	0.4	3,840	11.4	1.9	35.8%	18.1%
PLX	Dầu khí	37.4	0.0%	1.0	1,925	1.9	2,213	16.9	2.0	17.1%	11.7%
PLC	Dầu khí	31.7	-0.3%	1.4	104	0.1	1,333	23.8	1.9	1.2%	8.5%
BSR	Dầu khí	19.2	1.1%	1.3	0	3.7	2,745	7.0	1.0	0.8%	9.7%
DRC	Săm lốp	32.6	0.5%	0.7	157	2.0	2,074	15.7	2.1	13.6%	13.5%
PC1	Tiện ích	28.5	2.2%	1.4	359	6.8	439	64.9	2.2	8.5%	5.0%
HDG	Tiện ích	29.1	0.9%	1.3	360	2.9	2,327	12.5	1.5	22.8%	16.8%
GEX	Tiện ích	23.3	3.3%	1.8	803	20.7	388	60.1	1.7	12.6%	5.4%
QTP	Tiện ích	15.2	-0.7%	0.6	0	0.2	1,366	11.1	1.3	1.2%	9.9%
REE	Tiện ích	62.1	0.5%	0.9	1,027	2.1	5,354	11.6	1.5	49.0%	18.5%
ANV	Thủy sản	34.0	1.2%	1.3	183	1.9	314	108.2	1.8	3.0%	10.0%
PTB	Thủy sản	64.7	-1.2%	0.7	175	0.7	4,368	14.8	1.6	20.9%	13.4%
PVT	Logistics	28.9	1.4%	0.9	378	4.1	3,005	9.6	1.4	12.3%	16.4%
VSC	Logistics	21.9	0.5%	1.4	236	1.8	946	23.2	1.0	2.5%	7.9%
HAH	Logistics	42.9	1.7%	1.4	183	2.4	3,648	11.8	1.7	3.9%	24.6%
VTP	Logistics	90.0	0.2%	1.2	444	8.6	3,122	28.8	7.1	9.4%	15.1%
DBC	Bán lẻ	31.0	1.3%	1.4	304	12.7	103	300.0	1.6	4.5%	2.9%
FRT	Bán lẻ	150.0	0.2%	0.6	827	2.5	(2,537)	-59.1	14.5	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.4	0.0%	0.7	0	0.7	6,117	7.9	2.0	15.5%	24.3%
DPM	Phân bón	35.2	1.0%	1.3	557	2.0	1,361	25.8	1.3	10.0%	19.1%
TNG	Dệt may	21.8	1.4%	1.0	100	1.1	1,997	10.9	1.5	18.6%	17.1%

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
2	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
5	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2024	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Tuần 04/03 - 08/03/
Tháng 3/2024

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639